

BÁO CÁO TÓM TẮT

Các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII

(Kèm theo Công văn số 4337 /UBND-KTTH ngày 02 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Chương trình Kỳ họp thứ 8 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tóm tắt các nội dung trình tại Kỳ họp, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém nguyên nhân

Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 (theo giá hiện hành) ước đạt 38.287 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 8,2% so với cùng kỳ năm trước. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 63,7 triệu đồng, đạt 100,04% kế hoạch, tăng 9,08% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2024 ước đạt 30.000 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao đầu năm và tăng 29,62% so với cùng kỳ. Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện cả năm 4.425 tỷ đồng, đạt 96,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Ước đến hết niên độ, giải ngân đạt khoảng 95% kế hoạch Trung ương giao. Đến cuối năm có 53 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch; trồng mới rừng 3.212 ha, đạt 107,07% kế hoạch. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 ước tăng khoảng 12% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 38.903 tỷ đồng đạt 111,73% kế hoạch năm, bằng 113,8% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số lao động được giải quyết việc làm là 6.750 lao động, đạt 103% kế hoạch. Toàn tỉnh có 189 trường đạt chuẩn quốc gia. Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 đạt kết quả cao với tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,3%, xếp vị thứ 2 trong 5 tỉnh Tây Nguyên. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 94,18%, đạt 100,03% kế hoạch và bằng 100,89% so với cùng kỳ năm trước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được thực hiện quyết liệt. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Hoạt động đối ngoại được tăng cường, mở rộng.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm: Tình hình sản xuất nông lâm nghiệp vẫn còn gặp một số khó khăn; vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn diễn ra, nhất là trên lâm phần của Ủy ban nhân dân các xã và diện tích rừng giao khoán cho các hộ gia đình quản lý. Tiến độ trồng được liệu ở một số địa phương còn chậm. Thu ngân sách nhà nước chưa đảm bảo theo tiến độ. Tỷ lệ giải ngân cao hơn so với cùng kỳ song vẫn còn chậm so với yêu cầu. Thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giảm so với năm trước. Chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mặc dù được cải thiện tuy nhiên vẫn còn một số học sinh dân tộc thiểu số chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình lớp học; ngộ độc thực phẩm còn xảy ra. Mưa lũ, động đất gây ra thiệt hại về tài sản và công trình công cộng tại một số địa phương.

Tình trạng xây dựng công trình trái phép một số nơi vẫn còn diễn ra. Tai nạn giao thông chưa được kiểm chế, tăng ở cả 03 tiêu chí. Tình hình cháy nổ tăng cao so với cùng kỳ.

Nguyên nhân là do: Diễn biến tình hình thời tiết bất thường làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện; thị trường bất động sản đóng băng và thực hiện cơ chế, chính sách miễn, giảm thuế của Quốc hội, Chính phủ đã ảnh hưởng đến số thu nộp ngân sách năm 2024. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án gặp nhiều khó khăn; quy trình, thủ tục chuyên đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp còn phức tạp. Nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế, nguồn lực huy động từ xã hội hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu. Một số sở, ban ngành, địa phương chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; vai trò, trách nhiệm, tính năng động, tiên phong của người đứng đầu các đơn vị chưa được phát huy đầy đủ. Công tác phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp ở một số địa phương, chủ rừng còn chậm, lúng túng. Công tác quản lý xây dựng tại một số nơi còn hạn chế, lỏng lẻo. Ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch xây dựng, an toàn giao thông, giữ gìn trật tự trị an, phòng cháy chữa cháy, khiếu nại tố cáo... của một bộ phận người dân còn hạn chế.

2. Chỉ tiêu năm 2025

a) Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ 10% trở lên. Cơ cấu kinh tế: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 19-20%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng: 31-32%; Khu vực Dịch vụ: 41-42%. GRDP bình quân đầu người trên 70 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ 32.700 tỷ đồng trở lên (*trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 26.800 tỷ đồng*). Trồng mới ít nhất: 432 ha cây ăn quả; 1.578 ha Sâm Ngọc Linh. Tổng đàn bò 110.000 con; tổng đàn trâu 27.000 con. Trồng mới trên 770 ha rừng. Giá trị xuất khẩu 353 triệu USD. Phần đầu trong năm có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Phần đầu đạt 2,5 triệu lượt khách du lịch đến tỉnh.

b) Về văn hóa - xã hội và môi trường: Dân số trung bình năm 2025: 620.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60% (*trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ: 44%*). Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 giảm 2,5%. Phần đầu nâng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề lên 40%. Phần đầu có 50% trường mầm non, 77% trường tiểu học, 58% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Xóa 100% phòng học tạm. Số giường bệnh trên một vạn dân (*không tính giường trạm y tế xã*) đạt 38,6 giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 28%. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa phần đầu đạt 60%; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa phần đầu đạt 97%. Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch đạt 95%. Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước sạch sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh là 95%. Phần đầu có 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở. Phần đầu có 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt

động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường 85%.

c) Về quốc phòng, an ninh: Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt 90% trở lên; tội phạm về trật tự xã hội giảm 5%.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp năm 2025

- Triển khai kịp thời có kết quả các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tập trung giải ngân nguồn vốn đầu tư công và các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thúc đẩy tiến độ, tháo gỡ khó khăn về cung ứng vật liệu xây dựng, đất san lấp; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án, công trình và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của ngành, địa phương.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường các giải pháp bồi thường giải phóng mặt bằng để sớm tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất các dự án khai thác quỹ đất theo quy định nhằm tạo nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đi vào chiều sâu, theo hướng hàng hóa, tập trung đất đai ở những nơi có điều kiện để hình thành vùng sản xuất lớn gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như cây ăn quả, Mắc ca, Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xây dựng sản phẩm OCOP đạt chuẩn.

- Tuyên truyền, vận động bà con Nhân dân thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, phấn đấu đến cuối năm 2025 có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Rà soát, củng cố các lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần để tổ chức tốt công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ” khi xảy ra, không để bị động.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục đầu tư phát triển hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc nâng cao điểm số các chỉ số thành phần PCI, phấn đấu nâng cao xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống các loại dịch bệnh trên người. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đặc biệt là các đối tượng chính sách; khai thác và sử dụng có hiệu quả thiết bị y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp học, huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học đảm bảo chuẩn hóa, đồng bộ theo Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 gắn với mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Tổ chức thành

công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025. Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Tập trung phát triển, khai thác các ngành dịch vụ có lợi thế. Nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch. Khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể... để thu hút du khách. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội; giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội.

- Thực hiện kiên quyết, kiên trì và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện cải cách hành chính theo kế hoạch và đột xuất.

- Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch. Thường xuyên truy quét, trấn áp, xử lý các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm hoạt động theo băng nhóm, bảo kê, đòi nợ thuê, tin dụng đen, ma túy... Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, nhất là Đề án 06 của Chính phủ. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông, phấn đấu giảm tai nạn giao thông cả 03 tiêu chí.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại địa phương trong tình hình mới. Thực hiện tốt các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết với các đối tác nước ngoài trong hoạt động đối ngoại cấp cao.

II. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG TRÌNH KỶ HỌP THỨ 8 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA XII

Tại Kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII lần này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tổng cộng 52 nội dung, trong đó bao gồm: 21 báo cáo, 01 Kế hoạch và 30 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình bày tóm tắt 29 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (*không bao gồm Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã trình bày tại Mục I*), cụ thể như sau:

1. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2023

a) Về số liệu quyết toán ngân sách nhà năm 2023:

- Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2023: Tổng thu ngân sách địa phương: 18.036 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách địa phương: 17.864 tỷ đồng; Kết dư ngân sách địa phương: 171 tỷ đồng.

- Quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 (*sau khi loại trừ số bổ sung chuyển giao trợ cấp từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện và cấp huyện bổ sung cho cấp xã*): Tổng thu ngân sách địa phương 13.452 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách địa phương: 13.280 tỷ đồng; Kết dư ngân sách địa phương 171 tỷ đồng.

- Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2023: Tổng thu ngân sách tỉnh 10.421,3 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách tỉnh 10.282 tỷ đồng; Kết dư ngân sách tỉnh 138 tỷ đồng.

b) Phương án phân bổ kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2023: Phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2023 để trả nợ gốc vay, lãi vay đến hạn trả trong năm 2025 của các dự án vay lại từ nguồn vốn nước ngoài của Chính phủ 9,6 tỷ đồng; nguồn kết dư ngân sách tỉnh còn lại 128,4 tỷ đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ như sau:

- Trích 50% bổ sung vào quỹ dự trữ tài chính địa phương là 64 tỷ đồng.
- Chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2024 là 64 tỷ đồng.

2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025

- Dự toán thu ngân sách nhà nước: Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Trung ương giao 3.286 tỷ đồng, tăng 1,0% so dự toán Trung ương giao năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao 5.000 tỷ đồng, tăng 52,2% so dự toán Trung ương giao năm 2025; tăng 8,7% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2024; trong đó: thu nội địa 4.680 tỷ đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao 57,8% (*tương ứng giao tăng thu 1.714 tỷ đồng*); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 320 tỷ đồng (*bằng trung ương giao*).

- Dự toán thu ngân sách địa phương giao 12.334 tỷ đồng, trong đó: thu cân đối ngân sách địa phương 9.827 tỷ đồng; thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương 2.507 tỷ đồng.

- Dự toán chi ngân sách địa phương giao (*bao gồm cả bội chi*) 12.341 tỷ đồng, trong đó: dự toán chi cân đối ngân sách địa phương 9.835 tỷ đồng; chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 2.507 tỷ đồng.

3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2025

- Tổng mức vay nguồn Chính phủ vay về cho vay lại trong năm 2025 là 17 tỷ đồng, trong đó: vay trong năm 7,4 tỷ đồng và vay trả nợ gốc 9,7 tỷ đồng.

- Kế hoạch chi từ nguồn ngân sách địa phương, kết dư ngân sách cấp tỉnh, tăng thu, tiết kiệm chi để trả nợ gốc, lãi vay và các loại phí vay trong năm 2025 là 11,96 tỷ đồng, trong đó: trả nợ gốc 9,66 tỷ đồng và trả lãi, phí vay 2,3 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay, trả nợ từng dự án, chương trình cụ thể như sau:

+ Tổng mức vay để chi đầu tư phát triển (*7,4 tỷ đồng*) được dự kiến bằng mức đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thông báo tại Công văn số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024.

+ Vay để trả nợ gốc: Tổng mức vay 9,7 tỷ đồng.

+ Kế hoạch chi để trả nợ gốc vay, trả lãi và các loại phí vay (*do ngân sách cấp tỉnh chi*): 11,96 tỷ đồng, trong đó, trả nợ gốc 9,66 tỷ đồng; trả lãi và các loại phí vay 2,3 tỷ đồng.

4. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương của tỉnh năm 2025 là 2.504 tỷ đồng, địa phương giao tăng hơn so với mức vốn trung ương giao là 1.521,97 tỷ đồng thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất.

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 2.496,67 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức 552,69 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 1.861,97 tỷ đồng, trong đó nguồn thu tiền sử dụng đất do Trung ương giao 340 tỷ đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất từ các dự án có sử dụng đất tỉnh giao tăng thêm là 1.521,97 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 82 tỷ đồng.

b) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 7,4 tỷ đồng.

5. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

a) Về mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phần đầu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 4%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 giảm 2,5%, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo từ 6% đến 8% (riêng huyện Ia H'Drai giảm tỷ lệ hộ nghèo là 2,5%).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Phần đầu năm 2025 tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 70,6%, tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 23,5% và tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu là 7%, có 05 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Về phân bổ dự toán ngân sách Trung ương năm 2025

Phân bổ 1.209,1 tỷ đồng dự toán ngân sách Trung ương năm 2025 cho các sở, ngành và các huyện, thành phố để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể phân bổ theo từng chương trình như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ 816,86 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 430,76 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 386,1 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phân bổ 277,38 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 111,76 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 165,62 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ 114,88 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 86,3 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 28,58 tỷ đồng.

6. Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế cho Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND, trong đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Tăng mức hỗ trợ một số đối tượng:

- Tăng mức Hỗ trợ bệnh nhân thuộc Bệnh xá Phong Đăk Kia:
 - + Tiền ăn cho bệnh nhân phong đang điều trị tại Bệnh xá Phong Đăk Kia: từ 50.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo) lên 70.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo);
 - + Tiền ăn cho bệnh nhân phong đang chăm sóc tại nhà thuộc Bệnh xá Phong Đăk Kia: từ 40.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo) lên 60.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo).
 - + Mai táng phí: từ 5,4 triệu đồng/người lên 8 triệu đồng/người;
- Tăng mức Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, thương binh và người thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng từ 50.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo) lên 70.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo);
- Tăng mức Hỗ trợ tiền bánh kẹo, trái cây đón tết cho bệnh nhân nằm điều trị nội trú tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trong 3 ngày nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm từ 100.000 đồng/người lên 200.000 đồng/người.

b) Sửa đổi, bổ sung một số đối tượng được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán:

- Bổ sung thêm đối tượng “Gia đình quân nhân làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo và chủ quyền an ninh biên giới quốc gia”, mức tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán: 1,5 triệu đồng/suất quà.
- Bổ sung thêm đơn vị được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán: Bệnh viện Tâm thần; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh: 6 triệu đồng/đơn vị; Báo Kon Tum: 12 triệu đồng/đơn vị. Bỏ đơn vị “Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh” ra khỏi đơn vị được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán.
- Đổi tên 02 đơn vị: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum thành Công ty cổ phần cấp nước Kon Tum; Công ty TNHH Môi trường đô thị Kon Tum thành Công ty cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum.

7. Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum quy định tại Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 và Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum đối với các lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (Phụ lục II); Thông tin và Truyền thông (Phụ lục IV); Khoa học và Công nghệ (Phụ lục VI); Kinh tế (Phụ lục VIII); Nội vụ (Phụ lục XI); đồng thời bãi bỏ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tư pháp (Phụ lục IX).

8. Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

9. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

a) Về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Điều chỉnh số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn từ “21 thôn” thành “186 thôn”.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Điều chỉnh tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao từ “33,3%” thành “23,5%”.

+ Điều chỉnh tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu từ “10%” thành “7%”.

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025

Điều chỉnh giảm 4,856 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thực hiện Dự án 6 để bổ sung cho Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn thu tiền sử dụng đất

Điều chỉnh kế hoạch năm 2024 nguồn thu tiền sử dụng đất, theo đó chỉ phân bổ kế hoạch cho các nhiệm vụ, dự án đã được thông báo chính thức số vốn với tổng kế hoạch là 34,4 tỷ đồng (*đối với các nhiệm vụ, dự án còn lại không giao kế hoạch năm 2024*), cụ thể:

- Chi quản lý đất đai tại tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch từ 91,59 tỷ đồng thành 3,44 tỷ đồng.

- Bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh giảm kế hoạch từ 22,55 tỷ đồng thành 688 triệu đồng.

- Dự án Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (*đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor*) giảm kế hoạch từ 50 tỷ đồng thành 25,76 tỷ đồng.

- Dự án Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh giảm kế hoạch từ 10,65 tỷ đồng thành 4,5 tỷ đồng.

11. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với 24 dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm 06 dự án do cấp tỉnh quản lý và 18 dự án do cấp huyện, thành phố quản lý.

12. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum cho một số nhiệm vụ, dự án

Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương (*từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác*) cho 02 dự án, nhiệm vụ, cụ thể:

- Dự án Bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh tại một phần lô đất Q5 khu Trung tâm hành chính của tỉnh: Bổ sung khoảng 3,86 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ Cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh: Bổ sung khoảng 65 tỷ đồng.

13. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ từ nguồn ngân sách tỉnh cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum đến năm 2026

Cấp, bổ sung vốn điều lệ từ nguồn ngân sách tỉnh cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh nhằm đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ; theo đó đến năm 2026, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn cấp, bổ sung: Tối thiểu 65 tỷ đồng từ nguồn cân đối ngân sách địa phương (*nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước; nguồn thu tiền sử dụng đất*) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Tờ trình dự thảo Nghị quyết quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất, cụ thể: Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê trong thời hạn hoạt động của dự án đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc dự án phi lợi nhuận (*mức ưu đãi tối đa theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*).

15. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum

- Điều chỉnh thời gian thực hiện từ “04 năm” thành “05 năm”.
- Điều chỉnh tiến độ thực hiện từ “Từ năm 2021 - 2024” thành “Từ năm 2021 - 2025”.
- Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

16. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025

a) Về số lượng cán bộ công chức cấp xã: Số lượng cán bộ công chức theo phân loại đơn vị hành chính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao là: 2.158 người (bằng với số lượng giao của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

b) Về số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã đề nghị giao là 1.460 người (giữ nguyên như năm 2024), trong đó:

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách theo phân loại đơn vị hành chính: 1.332 người.
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên: 128 người (trong đó theo diện tích là: 94 người, theo quy mô dân số là 34 người).

17. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về số lượng người ký kết hợp đồng lao động làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm 2025

- Số lượng người ký kết hợp đồng lao động làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm 2025 tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên là 199 chỉ tiêu.

- Thời gian hợp đồng không quá 12 tháng.
- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương (ngoài kinh phí giao tự chủ của đơn vị) theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

18. Tờ trình dự thảo Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Tổng số lượng người làm việc là viên chức hưởng lương từ ngân sách giao cho các đơn vị là 14.672 người. Trong đó: Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 11.998 người (*bao gồm 391 biên chế giáo viên bổ sung năm học 2022 - 2023; 133 biên chế giáo viên bổ sung cho năm học 2023 - 2024 và 149 biên chế giáo viên bổ sung cho năm học 2024-2025*). Sự nghiệp Y tế: 1.819 người. Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin: 306 người. Sự nghiệp khác: 549 người.

19. Tờ trình dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2025

Căn cứ vào số biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất tổng số biên chế công chức năm 2025 là 1.947 biên chế, trong đó giao về cho các cơ quan, đơn vị là 1.939 biên chế, dự phòng 08 biên chế (*giữ nguyên như năm 2024*).

20. Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ, một phần nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành

a) Bãi bỏ toàn bộ 21 Nghị quyết.

b) Bãi bỏ một phần nội dung trong các Nghị quyết sau:

- Mục 4 "*Tờ trình và phương án phụ thu vào giá điện*" của Nghị quyết khóa VII - Kỳ họp thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 1995 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Mục 3 "*Về vấn đề chỉnh trang nâng cấp đô thị thị xã Kon Tum*" của Nghị quyết số 20/2000/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2000 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điểm a khoản 1 Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

21. Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Với tổng số 18 nội dung chi.

22. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu MĐ1, thuộc phân khu 1 - Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông đến năm 2045

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu MĐ1 thuộc phân khu 1 - Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 làm cơ sở triển khai lập Đồ án quy hoạch phân khu; theo đó phạm vi lập quy hoạch phân khu nằm về phía Đông thị trấn Măng Đen, diện tích lập quy hoạch khoảng 4.380 ha, là một trong các khu vực trọng điểm về phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ của Khu du lịch Măng Đen.

23. Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: “Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”.

24. Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Tổng số dự án đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 91 công trình, dự án/302,51 ha.

25. Tờ trình dự thảo Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư

Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất vào mục đích khác là 43 dự án/302,76 ha, cụ thể:

- Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác là 22 dự án/34,85 ha.

- Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ vào mục đích khác là 05 dự án/19,14 ha.

- Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất vào mục đích khác là 25 dự án/248,77 ha.

26. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án nâng cấp tuyến đường Đắk Man - Đắk Blô, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum

Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 3,45 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ 3,13 ha; rừng sản xuất 0,32 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên 2,51 ha, rừng trồng 0,94 ha.

27. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng trận địa MSPK 12,7mm/Bộ CHQS tỉnh Kon Tum

Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,12 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 0,12 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 0,12 ha.

28. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Chốt dân quân thường trực xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai

Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,36 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 0,36 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên 0,36 ha.

29. Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hồ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hồ trợ, trình tự, thủ tục mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Đối với các dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết các nội dung trình tại các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.
